

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/2019/QĐST-HNGĐ

Đoan Hùng, ngày 21 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 88/ 2019/TLST/HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị C - Sinh năm 1982

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Trú tại: Khu 12, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ - Sinh năm 1980

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Trú tại: Khu 12, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Lê Đình T – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

+ Ông Hoàng Văn C – Sinh năm 1957 và Bà Đỗ Thị T – Sinh năm 1955.
Đều trú tại: Khu 12, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82, 83, của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị C và anh Hoàng Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Bích H – Sinh ngày 09/4/2006. Chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Văn V – Sinh ngày 23/11/2002. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hai bên có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Anh Đ được sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm có: 100 m² đất ở, tại thửa số 26 – 6, tờ bản đồ số 16 – b (đ/c: Khu 12, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ) đã được UBND huyện Đ cấp giấy CNQSD đất ngày 22/01/2007 đứng tên chị Lê Thị C và anh Hoàng Văn Đ; 01 nhà xây cấp 4, xây trên diện tích đất hiện ông Hoàng Văn C và bà Đỗ Thị T đang quản lý (ông C, bà T là bố mẹ đẻ anh Đ); 01 xe máy AirBlade, BKS 19 E1 – 23702, đăng ký đứng tên anh Hoàng Văn Đ. Tổng trị giá tài sản anh Đ được sở hữu và sử dụng là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Anh Đ có trách nhiệm thanh toán chênh lệch về tài sản cho chị C là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), chia làm 02 lần:

+ Lần 1: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vào ngày 08/4/2019

+ Lần 2: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vào ngày 08/9/2019

- Về vay nợ chung: Anh Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện Đ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo sổ vay vốn đứng tên người vay Hoàng Văn Đ.

Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị C, Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Đ (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Chị Lê Thị C tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng chị C phải nộp 2.650.000đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Chị C đã nộp 10.300.000đ (Mười triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003062 ngày 29/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị C được hoàn lại 7.650.000đ (Bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Anh Hoàng Văn Đ phải nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Anh Tuấn